

Số: 277/KH - SYT

Hà Giang ngày 30 tháng 11 năm 2018

KẾ HOẠCH
Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức ngành Y tế
tỉnh Hà Giang năm 2019

Căn cứ Công văn số 1983/BTC-NV-BCĐT ngày 31/10/2018 của Ban Tổ chức - Nội vụ tỉnh Hà Giang V/v xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CB, CC, VC năm 2019;

Sở Y tế Hà Giang xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức ngành Y tế năm 2019; cụ thể như sau:

PHẦN I

CĂN CỨ PHÁP LÝ, THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ Y tế V/v Hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế;

Quyết định số 2054/TTg-QHQT ngày 07/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục Dự án “Giáo dục và đào tạo nhân lực Y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế” vay vốn Ngân hàng thế giới;

Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025;

Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 - 2020;

Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt Đề án đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Y tế tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 318/KH-BYT ngày 24/4/2013 của Bộ Y tế về việc triển khai Dự án 585 “Thí điểm đưa Bác sỹ trẻ tình nguyện về công tác tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Ưu tiên 62 huyện nghèo)”.

II. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

A. Thực trạng công chức, viên chức

Tổng biên chế công chức, chỉ tiêu số lượng người làm việc hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP được Ủy ban nhân dân tỉnh giao năm 2018: 4.132

1. Đơn vị quản lý Nhà nước: 63 biên chế; Hiện có 63;
2. Đơn vị sự nghiệp: 3.963 chỉ tiêu; Hiện có 3.963;
3. Đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 63 chỉ tiêu; Hiện có 63;
4. Biên chế hợp đồng 68: 44 chỉ tiêu; hiện có 44

1. Trình độ chuyên môn

- Tiến sĩ Y khoa: 02, chiếm: 0,05 %
- Chuyên khoa cấp II: 29, chiếm: 0,7 %
- Thạc sĩ, chuyên khoa cấp I: 272, chiếm: 6,5 %
- Đại học: 1.276, chiếm: 30,8 %
- Cao đẳng: 236, chiếm: 5,7 %
- Trung cấp: 2.157, chiếm: 52,0 %

2. Trình độ chính trị

- Cao cấp, cử nhân: 115
- Trung cấp: 424

3. Trình độ Quản lý nhà Nước

- Chuyên viên cao cấp: 4
- Chuyên viên chính: 112
- Chuyên viên: 778

(có biểu số 01 thực trạng số lượng công chức, viên chức kèm theo)

B. Đánh giá

Ưu điểm: Công tác đào tạo, bồi dưỡng luôn được ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện, tranh thủ được sự hỗ trợ từ các Dự án, gắn công tác đào tạo với phương án Quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý và chuẩn hóa các chức danh nghề nghiệp;

Kết quả đào tạo, bồi dưỡng hàng năm đã bổ sung thêm được nguồn nhân lực y tế có chất lượng, từng bước đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn tỉnh;

Chính sách thu hút, ưu đãi của Chính phủ; sự hỗ trợ kinh phí của UBND tỉnh giúp cho công chức, viên chức ở vùng sâu, vùng xa có điều kiện đi học bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tồn tại, hạn chế: Công tác đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức hàng năm theo quy định vẫn chưa đạt mục tiêu, chỉ tiêu so với kế hoạch; Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được so với yêu cầu nhiệm vụ;

C. Xác định nhu cầu đào tạo

Căn cứ vào thực trạng đội ngũ công chức, viên chức xác định cụ thể nhu cầu cần đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, chức danh quy hoạch của công chức, viên chức và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực cho các đơn vị trực thuộc; Nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hoàn thiện điều kiện tiêu chuẩn bổ nhiệm; Hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với công chức, viên chức;

PHẦN II
ĐỐI TƯỢNG, MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG
CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2019

I. ĐỐI TƯỢNG, MỤC TIÊU

1. Đối tượng

- Công chức, viên chức trong toàn ngành Y tế Hà Giang

2. Mục tiêu:

- Tỷ lệ đạt 10,5 bác sỹ/10.000 dân và 01 Dược sỹ Đại học/10.000 dân;

- Tỷ lệ viên chức có trình độ chuyên môn sau Đại học đạt 10 %, trình độ cao đẳng và đại học đạt 50%.

- Phân đầu 75 % các trạm y tế xã có bác sỹ hoạt động thường trú và 100 % có hộ sinh hoặc y sĩ sản, nhi.

II. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2019

1. Nguyên tắc

Đổi mới phát triển nguồn nhân lực y tế phải đảm bảo căn bản, toàn diện, đáp ứng yêu cầu cả về y đức và chuyên môn;

- Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực đồng thời phải có tính khả thi và phù hợp với thực tiễn của cơ quan, đơn vị.

- Trên cơ sở thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức của đơn vị để xác định nội dung, đối tượng, hình thức đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp, từ đó đề xuất chỉ tiêu, nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.

- Đào tạo chuyên môn tạo nguồn cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số và phải gắn với kế hoạch tuyển dụng, sử dụng của địa phương, đơn vị sau khi đào tạo.

2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng

2.1. Đào tạo, bồi dưỡng trong nước

a) Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

- Đào tạo dài hạn trình độ chuyên môn sau đại học, đại học, cao đẳng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản lý

- Bồi dưỡng Quản lý nhà nước chương trình chuyên viên chính, chuyên viên:

- Bồi dưỡng về quản lý y tế cho Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý;

- Bồi dưỡng Quản lý lãnh đạo cấp phòng;

- Bồi dưỡng Quản lý bệnh viện.

c) Đào tạo trình độ chính trị

- Đào tạo trình độ Cử nhân, Cao cấp chính trị hệ tập trung, hệ không tập trung, hệ hoàn chỉnh theo hướng dẫn của Ban Tổ chức - Nội vụ;

- Đào tạo trình độ Trung cấp chính trị.

d) Đào tạo bồi dưỡng hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp

- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế hạng I, hạng II, hạng III, hạng IV;

- Bồi dưỡng cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung tham chiếu châu Âu;

- Bồi dưỡng cấp chứng chỉ tiếng Mông.

2.2. Đào tạo, bồi dưỡng nước ngoài: Không

3. Nhu cầu chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng năm 2019 (có biểu 02, 03 chi tiết kèm theo)

4. Nguồn kinh phí

- Nguồn kinh phí hỗ trợ của Dự án 585- Bộ Y tế và Dự án HPET-Bộ Y tế;

- Nguồn kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách tỉnh;

- Nguồn kinh phí hỗ trợ theo Quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị.

PHẦN III

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực ngành y tế nhằm đạt được mục tiêu thu hút, đào tạo và sử dụng tốt số lượng, năng lực và trình độ cán bộ phù hợp với các chuyên ngành đáp ứng các dịch vụ y tế;

2. Đổi mới công tác đào tạo nhân lực ngành y tế là cần thiết, nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hướng tới hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

3. Quản lý phát triển nhân lực hiệu quả, hoàn thiện các quy hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực y tế với các giải pháp chiến lược khả thi, lâu dài và bền vững; nâng cao năng lực, kỹ năng dự báo nhu cầu nhân lực và xây dựng quy hoạch, chiến lược phát triển nguồn nhân lực y tế.

4. Sử dụng, thực hiện tốt các chế độ đãi ngộ cán bộ y tế vùng khó khăn, theo dõi thường xuyên việc triển khai và đánh giá hiệu quả của các chế độ, chính sách trong tuyển dụng, sử dụng nhân lực y tế để có các điều chỉnh phù hợp, quan tâm công tác đào tạo lại, đào tạo liên tục, đáp ứng các nội dung về cập nhật kiến thức cho cán bộ y tế cho vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn.

PHẦN IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở Y tế

Tham mưu chỉ đạo các đơn vị trực thuộc rà soát, lập danh sách cụ thể theo đối tượng, chỉ tiêu đăng ký đào tạo, bồi dưỡng năm 2019;

Phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính, Nghiệp vụ Y tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức theo kế hoạch;

Phối hợp, liên kết với các Trường Đại học Y, dược trong nước; Trường Trung cấp Y tế Hà Giang mở lớp đào tạo, bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Phối hợp với Văn phòng lập dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trình Dự án Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Phòng Nghiệp vụ Y

Phối hợp với Văn phòng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn theo Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ Y tế V/v Hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế;

4. Các đơn vị trực thuộc Sở

Phối hợp với Văn phòng Sở Y tế rà soát, lập danh sách cụ thể đối tượng, chỉ tiêu đăng ký theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2019 của đơn vị;

Xây dựng kế hoạch, Lập dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức.

Trên đây nội dung Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức ngành Y tế năm 2019; Căn cứ chức năng, nhiệm vụ yêu cầu các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức - Nội vụ;
- BGD Sở Y tế;
- Các phòng thuộc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website ngành;
- Lưu VT, KHTC, VP.

GIÁM ĐỐC



Lương Viết Thuận

THỰC TRẠNG SÔ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Biểu số 01

STT	Đơn vị/đối tượng	Trình độ chuyên môn							Trình độ chính trị				Trình độ quản lý nhà nước				Ghi chú
		Tiến sĩ Y khoa	Bác sĩ CKII	Thạc sĩ, (BsCKI)	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Còn lại	Cao cấp, cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp	Còn lại	CVCC	CVC	CV	Cán sự	
I	Sở Y tế	2	29	272	1276	236	2157	130	115	424	400	974	4	112	778	12	
1	Công chức		5	12	31	2	2	4	23	11	8		2	18	28		
2	Viên chức	2	24	260	1245	234	2155	126	92	413	392	974	2	94	750	12	
A	ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC																
1	Sở Y tế		5	7	12	1		2	16	5			2	12	10		
2	Chi cục Ds-KHHGD			3	10		2	1	3	5	8	0	0	4	8		
3	Chi cục ATVSTP			2	9	1		1	4	1				2	10		
	Cộng:		5	12	31	2	2	4	23	11	8	0	2	18	28		
B	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP																
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh		5	56	182	32	217	20	16	25	40		0	8	82		
2	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi		2	7	42	7	47	5	5	21				4	36		
3	Bệnh viện Y dược cổ truyền		0	6	37	8	78	6	5	11	37	5	0	4	25		
4	Bệnh viện Mắt		1	6	20		20	2	4	10				4	12		
5	Bệnh viện Phục hồi chức năng			1	35	3	33		1	5	24			1	20		
6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật		2	22	75	1	42	7	13	31	9	96		15	54	1	
7	Trung tâm Giám định Y khoa			4	5	2	4		3	1				2	6		
8	Trung tâm Kiểm nghiệm			3	8	1	12	1		8					11		
9	Trung tâm Pháp Y		0	2	4	1	6	1	1	0	2	0	0	1	2		
10	Trường Trung cấp Y tế	1	2	20	30	0	5	3	8	14		37		4	25		
11	BVĐK huyện Quán Bạ		2	3	34	11	55	7	2	14	0	30	0	2	10		
12	TTYT huyện Quán Bạ		0	2	24	5	73	1	2	11		91	0	2	20		

13	BVĐKKV Yên Minh		2	8	36	4	139	10	1	10	3	185	1	6	9	5	
14	TTYT huyện Yên Minh			3	14	10	75	3	1	6	17			3	19	1	
15	BVĐK huyện Đồng Văn		2	12	41	8	45	0	1	15	14	0	0	5	28		
16	TTYT huyện Đồng Văn		1	5	34	4	63	7	1	7	24	82		3	33		
17	BVĐK huyện Mèo Vạc			7	32	8	58	5	1	9				2	38		
18	TTYT huyện Mèo Vạc		0	3	22	7	72	3	2	7	7	0	0	2	26		
19	BVĐK huyện Bắc Mê			8	35	10	50	1	2	11	21	17		1	11		
20	TTYT huyện Bắc Mê		0	2	23	1	58	4	1	10	12	65	0	0	11		
21	BVĐK huyện Vị Xuyên		1	9	60	23	64	0	1	19	0	139	0	1	28		
22	TTYT huyện Vị Xuyên		1	3	36	15	99	2	2	9	53	92		3	19	3	
23	BVĐKKV Bắc Quang		2	21	83	19	126	5	3	19			1	0	48		
24	TTYT huyện Bắc Quang			6	33	7	100	8	1	10	27		0	3	6		
25	BVĐK huyện Quang Bình	1	0	10	46	1	78	3	1	20				3	17		
26	TTYT huyện Quang Bình			4	31	2	74	1		12	8	92		3	23		
27	BVĐKKV Hoàng Su Phì		0	6	67	10	102	5	3	21	25	0	0	2	33		
28	TTYT huyện Hoàng Su Phì		0	2	29	3	101	5	1	5	38	0	0	3	14	2	
29	BVĐK huyện Xín Mần			7	34	2	58	2	1	23	4			1	14		
30	BVĐK Nà Trì			4	18	9	48	3	2	4	2	43			13		
31	TTYT huyện Xín Mần		0	4	30	6	83	2	1	19	7				21		
32	TTYT Thành phố Hà Giang		1	2	21	9	41	2	4	12	1			4	20		
33	Trung tâm Ds-KHHGD 11 huyện, TP			2	24	5	29	2	2	14	17	0	0	2	16		
	<i>Cộng:</i>	2	24	260	1245	234	2155	126	92	413	392	974	2	94	750	12	0

KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ NHU CẦU, CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NĂM 2019

(Kèm theo kế hoạch số 277/KH-SYT ngày 30/11/2018 của Sở Y tế Hà Giang)

Đơn vị tính: Lượt người

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Tổng số chỉ tiêu đăng ký			Đối tượng							Ghi chú (Thời gian học)
		Tổng số	Trong đó		Cán bộ, Công chức Lãnh đạo, quản lý	Cán bộ, Công chức quy hoạch lãnh đạo, QL	Cán bộ, Công chức chuyên môn	Viên chức lãnh đạo quản lý	Viên chức quy hoạch lãnh đạo, QL	Viên chức chuyên môn		
			Người dân tộc TS	Nữ								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
A	ĐÀO TẠO											
I	Đào tạo trong nước											
1	Trình độ tiến sĩ	35	3	0	2	20	0	4	9	0		
	Chuyên ngành Kinh tế	0							0			
	Chuyên ngành Luật	0							0			
	Chuyên ngành Quản lý công	0							0			
	Chuyên ngành Y khoa (CKII)	35	3		2	20		4	9			
2	Trình độ thạc sĩ	62	29	31	0	0	0	16	21	25		
	Chuyên ngành Kinh tế	1	1	1				1				
	Chuyên ngành Luật	0										
	Chuyên ngành Hành chính công	0										
	Chuyên ngành Y khoa (CKI)	60	28	30				15	21	24		
	Chuyên ngành Tiếng Anh	1								1		
II	Đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ tại nước ngoài	0										
1	Chương trình học bổng của Quảng Tây, Trung Quốc	0										
2	Chương trình khác	0										
III	Đại học (Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)	45	40	26	0	0	0	0	0	45		
	Bác sĩ đa khoa	15								15		
	Dược sĩ đại học	10								10		
	Điều dưỡng	10								10		
	Kỹ thuật Y	10								10		
IV	Cao đẳng (Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)	230	184	190						230		
	Điều dưỡng đa khoa	100								100		
	Hộ sinh	60								60		
	Kỹ thuật Y	30								30		
	Dược sĩ	40								40		
B	BỒI DƯỠNG											
I	Trong nước	0										

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Tổng số chỉ tiêu đăng ký			Đối tượng						Ghi chú (Thời gian học)
		Tổng số	Trong đó		Cán bộ, Công chức Lãnh đạo, quản lý	Cán bộ, Công chức quy hoạch lãnh đạo, QL	Cán bộ, Công chức chuyên môn	Viên chức lãnh đạo quản lý	Viên chức quy hoạch lãnh đạo, QL	Viên chức chuyên môn	
			Người dân tộc TS	Nữ							
1	Bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý	0									
	- Lãnh đạo cấp sở và tương đương	0									
	- Lãnh đạo cấp phòng và tương đương	31	18	8	1			11	19		
2	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức										
2.1	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức										
	- Chuyên viên cao cấp	0									
	- Chuyên viên chính	15	11	4		3	2	8	2		
	- Chuyên viên	159	88	73				68	65	26	
	- Cán sự	0									
	- Kế toán viên chính	0									
	- Kế toán viên	4	1	2				2	1	1	
	- Thanh tra viên cao cấp	0									
	- Thanh tra viên chính	0									
	- Thanh tra viên	0									
2.2	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức	0									
	- Chuyên ngành y tế (hạng I)	2	1		2						
	- Chuyên ngành y tế (hạng II)	37	17	10	3			23	9	2	
	- Chuyên ngành y tế (hạng III)	109	63	53				22	26	61	
3	Bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành	0									
3.1	Nghiệp vụ công tác tổ chức cán bộ	35	18	6				35			
3.2	Nghiệp vụ công tác pháp chế	35	18	6				35			
3.3	Nghiệp vụ Kiểm tra	35	18	6				35			
3.4	Nghiệp vụ Dân vận	35	18	6				35			
3.5	Nghiệp vụ Văn phòng	35	18	6				35			
	Nghiệp vụ VTLT	35		35						35	
4	Bồi dưỡng Tin học	0									
4.1	- Bồi dưỡng cấp chứng chỉ chuẩn kỹ năng CNTT	205	100	100	2	5		102	40	56	
4.2	- Bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT	12	2	5				7	5		
5	Bồi dưỡng ngoại ngữ (Ghi rõ tên Ngoại ngữ)	0									
5.1	- Chứng chỉ trình độ tương đương bậc 4 theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT	19	6	15				12	6	1	
5.2	- Chứng chỉ trình độ tương đương bậc 3 theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT	40	10	12	3			18	10	9	

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Tổng số chỉ tiêu đăng ký			Đối tượng						Ghi chú (Thời gian học)
		Tổng số	Trong đó		Cán bộ, Công chức Lãnh đạo, quản lý	Cán bộ, Công chức quy hoạch lãnh đạo, QL	Cán bộ, Công chức chuyên môn	Viên chức lãnh đạo quản lý	Viên chức quy hoạch lãnh đạo, QL	Viên chức chuyên môn	
			Người dân tộc TS	Nữ							
5.3	'- Chứng chỉ trình độ tương đương bậc 2 theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT	217	138	106	9			105	43	60	
5.4	'- Chứng chỉ trình độ tương đương bậc 1 theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT	113	67	45	6			42	63	2	
5.5	0									
6	Bồi dưỡng Tiếng dân tộc	10	4	3				2		8	
7	Bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng - An ninh	0									
7.1	Đối tượng 1	2	1		1			1			
7.2	Đối tượng 2	14	4	4	6			7	1		
7.3	Đối tượng 3	136	52	68	2			116	18		
7.3	Đối tượng 4	108	52	50				68	2	38	
8	Bồi dưỡng năng lực quản lý đối với nhân sự chủ chốt các ĐVSN công lập để đáp ứng cơ chế thị trường	0									
9	Bồi dưỡng lại đối với CCVC dôi dư do sắp xếp, giải thể hoặc chuyển loại hình đơn vị sự nghiệp	0									
10	Bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính kế toán đối với đơn vị sự nghiệp công lập	1								1	
11	Bồi dưỡng kiến thức đại biểu HĐND cấp tỉnh, huyện	0									
12	Bồi dưỡng kiến thức đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp	255	119	161				45		210	
13	Bồi dưỡng kiến thức Hội nhập quốc tế	0									
B	Bồi dưỡng ở nước ngoài	0									
1	Kỹ năng quản lý hành chính công	0									
2	Quản lý đô thị	0									
3	Bồi dưỡng theo chương trình của Bộ, ngành và các cơ quan TW	0									

Lưu ý: Cột 3 = (6) +(7)+(8)+(9)+(10)+ (11);

SỞ Y TẾ HÀ GIANG

BÁO CÁO NHU CẦU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ NĂM 2019

I BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ

TT	Chương trình bồi dưỡng	Năm 2019 (số người)	Ghi chú
1	Nghiệp vụ Tổ chức	35	
2	Nghiệp vụ Kiểm tra	35	
3	Nghiệp vụ Tuyên Giáo	35	
4	Nghiệp vụ Dân vận	35	
5	Nghiệp vụ Văn phòng	35	

II BỒI DƯỠNG KHÁC

TT	Chương trình bồi dưỡng	Năm 2019 (số người)	Ghi chú
1	Bồi dưỡng kiến thức QP-AN đối tượng 2	14	
2	Bồi dưỡng kiến thức QP-AN đối tượng 3	136	
3	Hoàn chỉnh kiến thức CCLLCT	01	

